

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2025/DS-PT
Ngày : 05 - 5 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2025/QĐPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966, địa chỉ: 1, N, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Mai Công N là Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư thành phố C (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị T1, sinh năm 1970, địa chỉ: Tổ A, Khóm B, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Cao Văn T2, địa chỉ: F, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy ủy quyền ngày 19/3/2025 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3. 1. Anh Phan Minh N1, sinh năm 1996 (vắng mặt).

3. 2. Anh Võ Tiến Đ, sinh năm 2006 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ A, Khóm B, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Phòng C1, tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Đường N, khóm B, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Ngọc H – Trưởng phòng công chứng (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Phan Thị T1 (Bị đơn, có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 28/02/2020, ông T có nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị T1 01 căn nhà và đất tại thửa số 209, tờ bản đồ số 22, diện tích 232,4 m², loại đất ở đô thị, tại tổ A, khóm B, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long với giá 600.000.000 đồng, hai bên ký Hợp đồng chuyển nhượng tại Phòng C2, phía ông T đã giao đủ tiền cho bà T1, bà T1 có làm biên nhận tiền đề ngày 28/02/2020. Trên thửa đất 209 có căn nhà cấp 4 diện tích nhà 48m², kết cấu bê tông, nền gạch tàu, mái tol và 01 ngôi mộ của chồng bà Phan Thị T1. Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, do khó khăn về chỗ ở nên bà T1 yêu cầu ông T cho bà T1 thuê lại nhà ở tạm từ 02 đến 03 tháng, giá thuê 2.000.000đồng/tháng, do quen biết nên giữa ông T và bà T1 không có làm hợp đồng thuê nhà. Từ khi thuê nhà cho đến nay bà T1 chưa trả tiền thuê nhà.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 209 giữa ông với bà T1, buộc bà T1 trả lại nhà và đất cho ông, ông không hỗ trợ chi phí di dời cho bà T1. Ông T không yêu cầu bà T1 trả tiền thuê nhà cũng không yêu cầu bà T1 di dời ngôi mộ của chồng bà T1, đến khi nào bà T1 tự nguyện di dời ngôi mộ thì ông T sẽ hỗ trợ chi phí di dời mộ là 10.000.000 đồng.

* Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 04/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị T3 trình bày:

Năm 2020 bà có vay của ông T 600.000.000 đồng, hai bên không có lập hợp đồng vay mà ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 209 và thực tế bà T3 chỉ nhận 540.000.000 đồng, bà T3 đóng cho ông T 01 tháng tiền lãi là 30.000.000 đồng được trừ vào trong số tiền vay 600.000.000 đồng. Sau khi vay tiền của ông T thì dịch bệnh Covid 19 diễn ra, bà T3 không buôn bán được nên không có tiền trả lãi cho ông T dẫn đến việc ông T khởi kiện đến Tòa án.

Nay bà T3 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T3 yêu cầu phản tố: vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 209 giữa bà với ông T ký kết tại Phòng C1 vào ngày 28/02/2020, công nhận cho bà T3 được quyền sử dụng thửa đất số 209 nêu trên, bà T3 đồng ý trả lại cho ông T số tiền vay 540.000.000 đồng và lãi suất theo quy định Nhà nước từ ngày 28/02/2020 đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật

* Anh Võ Tiến Đ (con của bà T3) trình bày: anh thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà T3, căn nhà trên thửa đất số 209 do cha mẹ anh xây dựng, anh không có đóng góp gì trong việc xây dựng và tu bổ căn nhà nên không có yêu cầu gì khác. Anh Phan Minh N1 không có văn bản trình bày ý kiến.

* Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 20 tháng 11 năm 2023 Phòng C1 trình bày: Phòng C1 đã thực hiện công chứng Hợp đồng chuyển nhượng số 716, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 28 tháng 02 năm 2020, về việc chuyển nhượng thửa đất số 209, tờ bản đồ số 22, diện tích: 232,4m², loại đất: ở đô thị, tọa lạc: Khóm B, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đúng theo trình tự, thủ tục chung về công chứng hợp đồng, giao dịch của Luật Công chứng năm 2014.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T3; buộc bà T3 có nghĩa vụ di dời đồ đạc trong nhà, bàn giao căn nhà cấp 4 và đất tại thửa số 22, diện tích 232,4 m², loại đất ở đô thị, tọa lạc: tổ A, khóm B, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cho ông T.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà di dời ngôi mộ của chồng bà T3 đến khi nào bà T3 tự nguyện di dời ngôi mộ thì ông T sẽ hỗ trợ chi phí di dời mộ là 10.000.000 đồng, đồng thời ông T phải tạo điều kiện cho bà T3 và các con của bà T3 tới lui thăm viếng ngôi mộ theo đúng phong tục tập quán của dân tộc.

Về án phí: Buộc bà T3 nộp 25.900.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ chậm thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 12/6/2024 bà Phan Thị T1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T1.

- Ngày 03/7/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long kháng nghị, đề nghị sửa án sơ thẩm, xác định thêm quan hệ tranh chấp “Đòi lại tài sản”, tính lại tiền án phí sơ thẩm đối với bà T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, tại các buổi làm việc ngày 26/3/2025 và 04/4/2025 bà T1 và ông T thỏa thuận về việc giải quyết vụ án như sau: đến ngày 30/4/2025 ông T giao thêm cho bà T1 tổng cộng 130.000.000đ là bao gồm: tiền giá trị căn nhà và chi phí di dời tài sản cá nhân để bà T1 rút đơn kháng cáo giao nhà và đất cho ông T ngay để ông sở hữu, sử dụng. Tuy nhiên, đến ngày 06/4/2025 ông T nộp đơn thông báo không thực hiện sự thỏa thuận nêu trên mà đề nghị Tòa án tiếp tục mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà T1 yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vì đây là hợp đồng giả cách, nếu không vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì yêu cầu ông T trả thêm cho bà tiền giá trị căn nhà và hỗ trợ chi phí di dời tổng cộng bằng 130.000.000đ như đã thỏa thuận.

- Ông T không chấp nhận yêu cầu của bà T1, ông không đồng ý trả tiền giá trị căn nhà và hỗ trợ chi phí di dời cho bà T1 tổng cộng bằng 130.000.000đ, vì trước đây bà T1 thông báo sau khi xét xử sơ thẩm bà sửa chữa lại căn nhà tốn chi phí 70.000.000đ nên ông mới đồng ý trả thêm cho bà T1 130.000.000đ, nhưng khi ông đến thẩm định lại căn nhà thì theo ông chi phí sửa chữa khoảng 15.000.000đ, cho thấy bà T1 không thành thật, mặt khác do bà T1 tự sửa chữa không thông qua ý kiến của ông nên ông không chấp nhận, nay yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long thay đổi kháng nghị: đề nghị buộc ông T trả thêm cho bà T1 tiền giá trị căn nhà và hỗ trợ chi phí di dời tổng cộng bằng 130.000.000đ, tính lại tiền án phí sơ thẩm.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T1, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T1 và ông T, công nhận cho ông T được quyền sử dụng thửa đất 209 và sở hữu tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, buộc ông T trả tiền giá trị căn nhà và chi phí di dời tài sản trong nhà cho bà T1 tổng cộng 130.000.000đ, buộc ông T chịu tiền án phí sơ thẩm trên số tiền bồi thường giá trị căn nhà cho bà T1, buộc bà T1 chịu tiền án phí sơ thẩm không giá ngạch do yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được chấp nhận, bà T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.2] Ngày 04/6/2024 Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh tuyên án sơ thẩm đến ngày 12/6/2024 bà T1 có đơn kháng cáo, ngày 03/7/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long kháng nghị, là còn trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung.

[2.1] Bà Phan Thị T1 là chủ sử dụng thửa đất số 209, tờ bản đồ số 22, diện tích 232,4m², đất trồng cây lâu năm, tại phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, trên đất có căn nhà diện tích 41m² kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tol, nền lót gạch men.

Ngày 28/02/2020 bà T1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T, hợp đồng được công chứng tại Phòng công chứng số B tỉnh Vĩnh

Long, theo đó bà T1 chuyển nhượng cho ông T thửa đất số 209 với giá 600.000.000 đồng (bút lục 131, 132).

Thể hiện tại “Biên nhận” (bút lục số 45) có nội dung: bà T1 có nhận của ông T số tiền 600.000.000 đồng (ngày 28/02/2020 nhận 400.000.000đ, ngày 02/3/2020 nhận 200.000.000đ). Biên nhận lập ngày 28/02/2020 có chữ ký của bà Phan Thị T1, đến ngày 02/3/2020 một lần nữa bà T1 ký xác nhận vào biên nhận bà đã nhận đủ số tiền 600.000.000 đồng.

Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T1 với ông T tuân thủ về mặt nội dung và hình thức theo quy định tại các điều 501, 502 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 167 Luật Đất đai 2013, bà T1 cũng đã nhận đủ tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông T nên hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực pháp luật theo quy định Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015

Bà T1 cho rằng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hợp đồng giả tạo nhằm che giấu giao dịch vay tài sản giữa bà với ông T. Song bà không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh (như: biên nhận vay, biên nhận trả tiền lãi hoặc các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan đến giao dịch vay tài sản giữa bà với ông T). Ngoài ra, bà T1 cũng không chứng minh được giá chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 209 thời điểm đó bằng 600.00.000 đồng là quá thấp so với giá thực tế.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T1 về việc tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 209 giữa bà T1 với ông T. Tòa án cấp sơ thẩm xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T1 với ông T là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Tuy nhiên, trên thửa đất số 209 có căn nhà của bà T1 diện tích 41m² theo định giá tại cấp sơ thẩm thì giá trị căn nhà là 57.500.782đ. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bà T1 có sửa chữa căn nhà, theo bà T1 trình bày thì tiền sửa chữa nhà là 72.000.000đ nhưng ông T cho rằng phần sửa chữa thêm chỉ khoảng 15.000.000đ, mặt khác do bà T1 tự sửa chữa không thông qua ý kiến của ông nên ông không chấp nhận.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T cũng thừa nhận ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 209 với giá 600.000.000 đồng, không có thỏa thuận với bà T1 tiền giá trị căn nhà trên đất. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà T1 giao căn nhà trên thửa đất số 209 cho ông T sở hữu nhưng không buộc ông T trả tiền giá trị căn nhà cho bà T1 là thiệt hại đến quyền lợi của bà T1.

Mặc dù, bà T1 tự ý sửa chữa căn nhà không thông qua ý kiến ông T là không đúng quy định, nhưng thực tế thì việc bà T1 sửa chữa căn nhà là có thật nên ông T là người được lợi nếu được Tòa án công nhận cho ông sở hữu căn nhà trên đất. Ngoài ra, trong quá trình chuẩn bị xét xử tại phúc thẩm ông T cũng đã đồng ý thỏa thuận giao thêm cho bà T1 tiền giá trị căn nhà và chi phí di dời tài sản cá nhân tổng cộng bằng 130.000.000đ. Đây là chi phí hợp lý nhằm tạo điều kiện cho bà T1 tìm chỗ ở mới ổn định cuộc sống. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà T1 đòi ông T giao thêm cho bà 130.000.000đ (trong đó tiền giá trị căn nhà là 57.500.782đ còn lại là chi phí di dời tài sản cá nhân) để bà T1 giao nhà và đất cho ông T.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bà T1 bàn giao căn nhà cho ông T nhưng không công nhận cho ông T quyền sở hữu đối với tài sản này là thiếu sót; tuyên buộc bà T1 bàn giao cho ông T thửa đất số 22 diện tích 232,4m² là không đúng số thửa và diện tích theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B sẽ dẫn đến không thi hành án được. Nên cấp phúc thẩm cần sửa án phần này.

[3] Về án phí sơ thẩm: do sửa án nên sửa lại tiền án phí sơ thẩm, ông T phải chịu án phí tương ứng trên số tiền giá trị căn nhà phải trả cho bà T1, bà T1 phải chịu án phí không giá ngạch do yêu cầu công nhận hiệu lực của hợp đồng không được chấp nhận.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long và Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Th

Sửa bản án sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

Áp dụng: Điều 117, 163, 164, 166, 468, 501, 502 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; các điều 26, 31, 131 Luật Đất đai năm 2024; các điều 26, 27, 29 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

1.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 209, tờ bản đồ số 22, tại khóm B, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long giữa bên chuyển nhượng bà Phan Thị T1 với bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Văn T được công chứng ngày 28/02/2020 có hiệu lực pháp luật.

1.2. Công nhận cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng 224,5m² đất ở đô thị thuộc thửa 209, tờ bản đồ số 22, tại khóm B, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 09/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã B gồm các mốc: 2, 3, 4, 5, a, 2) và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là căn nhà diện tích 41m² kết cấu: khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tol, nền lót gạch men

1.3. Buộc bà Phan Thị T1, anh Phan Nhựt M và anh Phan Tiến Đ1 có nghĩa vụ di dời vật dụng, tài sản cá nhân trong nhà để giao thửa đất 209 và căn nhà gắn liền với đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn T sở hữu, sử dụng.

1.4. Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

1.5. Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho bà Phan Thị T1 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) tiền giá trị căn nhà và chi phí di dời vật dụng cá nhân trong nhà.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị T1 về việc: vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 209 giữa bà với ông T để công nhận cho bà quyền sử dụng thửa đất số 209, bà trả lại cho ông T 540.000.000 đồng tiền vay và lãi suất theo quy định tính từ ngày 20/8/2020 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí sơ thẩm

Buộc ông Nguyễn Văn T chịu 2.875.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012782, ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Ông T còn phải nộp thêm 2.575.000 đồng (hai triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Buộc bà Phan Thị Thu C 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012320, ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Bà T1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí phúc thẩm.

Bà Phan Thị T1 không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả bà Phan Thị T1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012765, ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm như: chi phí tố tụng, ghi nhận sự tự nguyện của ông T liên quan đến ngôi mộ của chồng bà T1 không có kháng cáo, không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra giải quyết lại, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VP TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tx Bình Minh;
- Chi cục THADS tx Bình Minh;
- Đường sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi